|  |  |
| --- | --- |
| **QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN**  **.......** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
|  | *………………, ngày tháng 02 năm 2025* |

**BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM**

**Tham gia Giải thưởng Ngôi sao hợp tác xã “CoopStar Awards”**

**của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam năm 2025**

***(Đối với Quỹ tín dụng nhân dân)***

Tên Quỹ tín dụng nhân dân: ..............................................................

Lĩnh vực hoạt động: Kinh doanh tiền tệ, tín dụng.

Số lượng thành viên: ......................

Mã số thuế: ........................................ Năm thành lập: ......................

Địa chỉ trụ sở chính: ...........................................................................

Người đại diện pháp luật: ....................................Chức vụ: ................

Điện thoại: ...........................................................

**BẢNG CHẤM ĐIỂM**

| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Điểm chuẩn theo Quy chế** | **Điểm thực tế** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng điểm** | **100** |  |  |
| **I** | **TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ** | **30** |  |  |
| 1 | Hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 2 |  |  |
| 2 | Có năng lực quản trị tốt | 2 |  |  |
| 3 | Có thời gian hoạt động tối thiểu 03 năm tính đến thời điểm đề nghị xét, công nhận | 2 |  |  |
| 4 | Là thành viên và tích cực tham gia các hoạt động của Liên minh Hợp tác xã tỉnh | 1 |  |  |
| 5 | Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính, chế độ báo cáo, thông tin theo quy định | 1 |  |  |
| 6 | Không thua lỗ; không có nợ xấu | 1 |  |  |
| 7 | Công tác hạch toán kế toán, thống kê đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước | 1 |  |  |
| 8 | Có trụ sở, địa điểm để liên hệ | 1 |  |  |
| 9 | Hoạt động kinh doanh bảo đảm an toàn, hiệu quả | 1 |  |  |
| 10 | Đúng tôn chỉ, mục đích; đúng các quy định của Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 1 |  |  |
| 11 | Góp phần hạn ché nan cho vay nặng lãi ở địa phương | 1 |  |  |
| 12 | Tích cực giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho cán bộ, nhân viên, người lao động | 1 |  |  |
| 13 | Tích cực trong việc xây dựng mối liên kết hệ thống giữa Quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Hợp tác và Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam | 1 |  |  |
| 14 | Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách nhà nước theo quy định | 1 |  |  |
| 15 | Đóng BHXH, BHYT, chế độ chính sách đối với thành viên và người lao động thường xuyên của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ | 1 |  |  |
| 16 | Tích cực đóng góp trong công tác từ thiện và các hoạt động xã hội khác | 1 |  |  |
| 17 | Tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, giữ gìn trật tự trị an, góp phần ổn định chính trị, xã hội trên địa bàn | 1 |  |  |
| 18 | Đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan | 1 |  |  |
| 19 | Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên của Quỹ | 2 |  |  |
| 20 | Có các tổ chức đảng, đoàn thể | 1 |  |  |
| 21 | Nội bộ đoàn kết, không có khiếu nại, tố cáo | 1 |  |  |
| 22 | Gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước | 1 |  |  |
| 23 | Tích cực thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội khác | 1 |  |  |
| 24 | Tổ chức phát động và triển khai các phong trào thi đua trong Quỹ, có sơ kết, tổng kết và đăng ký thi đua hằng năm với với Liên minh Hợp tác xã tỉnh | 1 |  |  |
| 25 | Được công nhận là điển hình tiên tiến cấp tỉnh, thành phố 3 năm liên tục và có ít nhất 1 lần được tặng Bằng khen của UBND cấp tỉnh hoặc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương trở lên | 2 |  |  |
| **II** | **HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA QUỸ** | **70** |  |  |
| 1 | Huy động vốn từ thành viên đạt từ 70 - 80%; tập trung cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn | 10 |  |  |
| - Tối thiểu từ 70% | 5 |  |  |
| - Trên 80% | 7 |  |  |
| - Trên 90% | 10 |  |  |
| 2 | Tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn thấp hơn mức quy định của Ngân hàng Nhà nước quy định | 10 |  |  |
| 3 | Tổng nguồn vốn: Tối thiểu đạt 150 tỷ đồng trở lên | 15 |  |  |
| - Tối thiểu 150 tỷ đồng | 5 |  |  |
| - Trên 500 tỷ đồng | 10 |  |  |
| - Trên 1.000 tỷ đồng | 15 |  |  |
| 4 | Doanh thu (*để tính lợi nhuận*): Tối thiểu đạt 15 tỷ đồng trở lên, năm sau cao hơn năm trước | 15 |  |  |
| - Tối thiểu 15 tỷ đồng | 5 |  |  |
| - Trên 50 tỷ đồng | 10 |  |  |
| - Trên 100 tỷ đồng | 15 |  |  |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế: Tối thiểu đạt từ 1,2 tỷ đồng trở lên, năm sau cao hơn năm trước | 10 |  |  |
| - Tối thiểu 1,2 tỷ đồng | 5 |  |  |
| - Trên 5 tỷ đồng | 7 |  |  |
| - Trên 10 tỷ đồng | 10 |  |  |
| 6 | Thu nhập bình quân của người lao động tối thiểu đạt 10 triệu đồng/người/tháng trở lên, năm sau cao hơn năm trước | 10 |  |  |
| - Tối thiểu 10 triệu đồng/người/tháng | 5 |  |  |
| - Trên 13 triệu đồng/người/tháng | 7 |  |  |
| - Trên 15 triệu đồng/người/tháng | 10 |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN ..............**  **CHỦ TỊCH HĐQT/GIÁM ĐỐC**  *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* |